TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2022/DS-ST
Ngày : 19 - 8 - 2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Phan Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (S bank);

Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, N, phường V, quận X, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S1, chức vụ: Giám đốc S bank chi nhánh An Giang;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Thái B, chức vụ: Phó phòng giao dịch X – S bank chi nhánh An Giang;

Địa chỉ nơi làm việc: Số 333 đường Đ, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: khóm A, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông Phạm Thái B đại diện cho nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 14 tháng 7 năm 2016, bà Nguyễn Thị Cẩm H và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, gọi chung là hợp đồng). Theo đó, Ngân hàng đã phát hành cho bà H thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà H đã thực hiện giao dịch nhiều lần với tổng số tiền là 1.038.589.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 996.758.570 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31 tháng 7 năm 2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, bà H còn nợ các khoản sau: nợ gốc: 58.190.463 đồng, lãi quá hạn: 22.996.992 đồng, tổng cộng 81.187.455 đồng. Mặc dù, Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với bà H, yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà H trả cho Ngân hàng số tiền 81.187.455 đồng như nêu trên. Yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H: vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Ông Phạm Thái B, đại diện Ngân hàng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời xác định Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu bà H trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022 là 114.850.815 đồng (trong đó: nợ gốc 58.190.463 đồng, lãi quá hạn: 56.660.352 đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo Hợp đồng đã ký.

- Bà H vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Ngân hàng cấp cho bà H thẻ tín dụng quốc tế Car Card, với hạn mức sử dụng 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà H thực hiện các giao dịch với tổng giá trị 1.038.589.000 đồng. và chỉ thanh toán được 996.758.570 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Tòa giải quyết buộc bà H thanh toán nợ vốn là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, nhận thấy, đối với phương cách tính thanh toán (Điều 5 của Quy định hoạt động thẻ) giữa Ngân hàng và khách hàng sử dụng thẻ tín dụng là khi khách hàng có phát sinh giao dịch (giao dịch rút tiền mặt và giao dịch thanh toán bằng thẻ) và thanh toán tiền nợ lại cho Ngân hàng với số tiền tương ứng đã sử dụng và số tiền khách hàng chưa thanh toán sẽ chuyển tiếp qua nợ kỳ sau được thể hiện thông qua bảng tón tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ tín dụng của của Ngân hàng cung cấp. Xét thấy, kỳ giao dịch mà bà H không thanh toán hoặc có thanh toán nhưng còn dư nợ thì ngân hàng cộng tiền nợ gốc với phí, lãi, phạt chậm trả phát sinh của kỳ trước chuyển sang thành nợ đầu kỳ (nợ gốc) của kỳ sau và tiếp tục tính lãi trên số nợ đầu kỳ này. Như vậy, cho thấy số tiền mà ngân hàng yêu cầu phía bà H phải trả cho đến cuối kỳ là không chính xác vì số tiền này đã bao gồm tiền phí, lãi, phạt chậm trả phát sinh của mỗi kỳ phía trước đó. Do đó, Ngân hàng S yêu cầu bà H trả đối với số tiền 109.025.919 đồng là chưa phù hợp quy định pháp luật (lãi chồng lãi). Do đó, chỉ có thể chấp nhận lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí và lãi phát sinh đến khi trả dứt nợ với mức lãi suất trên vốn gốc ban đầu (dư nợ tính lãi). Không chấp nhận đối với số tiền Ngân hàng yêu cầu tính lãi vượt quá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Khi khởi kiện, Ngân hàng đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bà H theo địa chỉ mà bà H cung cấp khi xác lập Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận vào hợp đồng. Quá trình tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn xác định bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, nhưng vẫn có đăng ký hộ khẩu thường trú. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì trường hợp của bà H được xác định là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ. Nên Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và bà H được xác lập theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14 tháng 7 năm 2016 và Bảng điều khoản chung về cấp tín dụng, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bên cho vay. Trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, bà H không thể hiện ý kiến bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với quá trình giao dịch rút tiền, trả lãi, phí và nợ gốc của bà H được thể hiện qua các Bảng tóm tắt sao kê ngày 31 tháng 5 năm 2021 (kèm theo đơn khởi kiện), bảng tóm tắt sao kê ngày 19 tháng 8 năm 2022. Xét thấy sau khi trừ số tiền bà H đã thanh toán thì xác định được số tiền gốc tính đến thời điểm bà H ngưng thanh toán và Ngân hàng có thông báo yêu cầu thanh toán là 48.999.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Ngân hàng tiếp tục cộng số tiền nợ gốc 48.999.000 đồng và số tiền lãi, phí hàng tháng mà bà H không thanh toán để xác định là dư nợ gốc đầu kỳ và tiếp tục tính lãi cả nợ gốc, phí và lãi chưa thanh toán của kỳ trước là không phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3.3] Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xác định số nợ gốc bà H giao dịch còn nợ đến thời điểm ngừng thanh toán và đến thời điểm chuyển sang nợ quá hạn là 48.999.000 đồng. Bà H không thanh toán số tiền đã rút đúng hạn cho Ngân hàng nên ngoài nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì bà H còn phải trả lãi trong hạn, lãi quá

hạn và tiền phí trễ hạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến thời điểm chuyển nợ quá hạn ngày 31 tháng 7 năm 2020 cho Ngân hàng theo các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà bà H đã ký với Ngân hàng. Cụ thể:

[3.3.1] Đối với tiền lãi trong hạn: Từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020:

48.999.000 đồng (nợ gốc) x 122 ngày x 2,6%/tháng (mức lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận) = 5.180.828 đồng.

[3.3.2] Đối với tiền lãi quá hạn: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 đến ngày 19 tháng 8 năm 2022:

48.999.000 đồng (nợ gốc) x 749 ngày x 3.9%/tháng (mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận) = 47.710.326 đồng.

[3.3.3] Phí trễ hạn từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 là 1.900.590 đồng. Phí thẻ thường niên từ ngày 01 tháng 4 năm 2020 đến ngày 31 tháng 7 năm 2020 là 0 đồng. Do không xác định nợ đầu kỳ bao gồm cả phí, lãi của kỳ trước nên bà H không bị vượt hạn mức và không phải chịu phí vượt hạn mức.

[3.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 103.790.744 đồng (tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022). Đồng thời, kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2022 buộc bà H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong cho Ngân hàng. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí trễ hạn của Ngân hàng trả thêm số tiền chênh lệch 11.060.071 đồng (114.850.815 đồng - 103.790.744 đồng) không được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 238, các Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

- Buộc Bà Nguyễn Thị Cẩm H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền 103.790.744 đồng (một trăm bốn mươi triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi bốn đồng) tạm tính đến ngày 19 tháng 8 năm 2022, trong đó: nợ gốc 48.999.000 đồng (bốn mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), lãi trong hạn 5.180.828 đồng (năm triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi tám đồng), lãi quá hạn 47.710.326 (bốn mươi bảy triệu bảy trăm mười nghìn ba trăm hai mươi sáu đồng), phí trễ hạn 1.900.590 đồng (một triệu chín trăm nghìn năm trăm chín mươi đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19 tháng 8 năm 2022) bà Nguyễn Thị Cẩm H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với yêu cầu buộc bà H trả số tiền 11.060.071 đồng (mười một triệu không trăm sáu mươi nghìn không trăm bảy mươi mốt đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 5.189.500 đồng (năm triệu một trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu 553.000 đồng (năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.029.000 đồng (hai triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000950 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang. Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại 1.476.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- Chi cục THADS TP X (1);
- VKSND TP X (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ (1).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thùy Giang